

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-Bản án số: 385/2024/HNGĐ-ST

-Ngày: 26/8/2024

- V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đoàn Thanh Phong**

2. Ông **Châu Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Nguyễn Sỹ Đăng** Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* ông **Ngô Thành Khánh Duy** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Tống Thị Thanh T, sinh năm 1990** (vắng mặt)

2. Bị đơn: **Võ Thành TT, sinh năm 1986** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã TBT, huyện C, tỉnh T

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Tống Thị Thanh T trình bày:* Chị và anh TT tự nguyện tìm hiểu, cưới với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TBT, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 26/01/2016. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến năm 2020 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh TT thường xuyên uống rượu, không lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh TT.

Về con chung: Chị T và anh TT có con chung tên Võ Tống Chí N, sinh ngày 21/9/2019 và Võ Tống Kiều O, sinh ngày 21/9/2019 đang sống với chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung và yêu cầu anh TT cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành do hiện nay anh TT có nghề nghiệp chờ dũa thuê và thu nhập ổn định (tiền lương 500.000 đồng/ngày).

Về tài sản chung: chị T trình bày chị và anh TT không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị T trình bày chị và anh TT không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt.

\* Bị đơn Võ Thành TT vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh TT.

Đối với yêu cầu về con chung: các con chung đang sống ổn định với chị T nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung và yêu cầu anh TT cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định chị và anh TT không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị T và anh TT là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TBT, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 26/01/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp

pháp. Bị đơn thường trú tại huyện C, tỉnh T. Nay chị T xin ly hôn với anh TT, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T yêu cầu ly hôn với anh TT vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh TT.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị T xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh TT vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như không có văn bản thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh TT.

[4] Về con chung:

Chị T và anh TT có con chung tên Võ Tổng Chí N, sinh ngày 21/9/2019 và Võ Tổng Kiều O, sinh ngày 21/9/2019. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy, các con chung đang sống ổn định với chị T; anh TT vắng mặt và không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con chung do đó để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, cần giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là phù hợp quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh TT cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng vì anh TT có nghề nghiệp, thu nhập ổn định (nghề chở dứa thuê mỗi ngày 500.000 đồng). Anh TT vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...*” và tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và*

*nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết...”.*

Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình đã quy định: “2. *Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.*”;

Theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, trong đó mức lương tối thiểu vùng của huyện C tại thời điểm xét xử là 3.860.000 đồng/tháng.

Do đó, chị T yêu cầu anh TT cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng với mức 2.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh TT vắng mặt; chị T trình bày chị và anh TT không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị T phải nộp án phí xin ly hôn và anh TT phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị T và anh TT được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật

đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tổng Thị Thanh T.**

**1. Về hôn nhân:** Chị Tổng Thị Thanh T được ly hôn với anh Võ Thành TT.

#### **2. Về con chung:**

+ Chị Tổng Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Tổng Chí Nghĩa, sinh ngày 21/9/2019 và Võ Tổng Kiều Oanh, sinh ngày 21/9/2019.

+ Anh Võ Thành TT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng (4.000.000 đồng/tháng/02 con chung), bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Kể từ khi chị Tổng Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Thành TT chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền nêu trên thì hàng tháng anh còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

+ Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

#### **3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Chị Tổng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số

0007531 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

Anh Võ Thành TT phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị T và anh TT được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã TBT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Phạm Văn Tài**

